TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ - ST.
Ngày: 29 - 10 - 2019.
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khương Thị Mỹ T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 689/53B, đường Phạm H, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng Th, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp Phụng S, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Khương Thị Mỹ T trình bày:

Vào năm 2009 bà và ông Th có kết hôn với nhau theo phong tục, tập quán trên cơ sở hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Song Ph vào ngày 12/9/2009. Chung sống được một thời gian thì ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng bà thường xuyên cải nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình chung sống bà và ông Th có 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014, hiện nay hai con đang

sống chung với bà Tiên. Nay bà yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu ông Thphải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chung sống bà và ông Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Hoàng Th trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian ly thân giống như lời trình bày của bà Tiên. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn ông cho rằng vợ chồng trong quá trình chung sống sẽ có sự cải vã, xích mích về tiền bạc, đôi lúc không quan tâm nhau nhưng không phải trầm trọng để ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà Tiên vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014cho bà Tiên được trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Luật hôn nhân gia đinh năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khương Thị Mỹ T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014 cho bà Khương Thị Mỹ T được trực tiếp nuôi dưỡng và ông Huỳnh Hoàng Th không cấp dưỡng nuôi con do bà Tiên không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Khương Thị Mỹ T xác định trong thời gian chung sống bà Khương Thị Mỹ T và ông Huỳnh Hoàng Th không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Huỳnh Hoàng Th mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ, giấy triệu tập số 67 ngày 30/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST – HNGĐ và giấy triệu tập số 84 ngày 16/10/2019 nhưng ông Thvẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Hoàng Th.

[2] Về hôn nhân: Bà Khương Thị Mỹ T và ông Huỳnh Hoàng Th có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã Song Phụng. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 9 đến Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Khương Thị Mỹ T và ông Huỳnh Hoàng Th là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Khương Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Huỳnh Hoàng Th nhưng ông Huỳnh Hoàng Th không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của bà Khương Thị Mỹ T Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay và giữa bà Tiên, ông Thtừ khi sống ly thân vào tháng 04 năm 2019 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh ngày 09/9/2019 về tình trạng hôn nhân giữa bà Tiên và ông Thcủa Tòa án nhân dân huyện L. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Tiên và ông Thđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tiên được ly hôn với ông Thông.

[3] Về con chung: Bà Khương Thị Mỹ T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014; Trong quá trình giải quyết vụ án ông Thcũng đồng ý giao hai con cho bà Tiên trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Huỳnh Thị Tường V và Huỳnh H đang sống với bà Tiên và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu và cũng theo nguyện vọng của cháu Huỳnh Thị Tường V. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Khương Thị Mỹ T và ông Huỳnh Hoàng Th. Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Khương Thị Mỹ T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014 là có căn cứ.

Ông Huỳnh Hoàng Th có quyền thăm nom cháu Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Khương Thị Mỹ T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Huỳnh Hoàng Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

dục cháu Huỳnh Thị Tường V, cháu Huỳnh H theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Khương Thị Mỹ T không yêu cầu ông Huỳnh Hoàng Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên và ông Huỳnh Hoàng Th cho rằng trong thời gian chung sống Tiên và ông Thkhông có tài sản chung, nợ chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bà Khương Thị Mỹ T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Huỳnh Hoàng Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Khương Thị Mỹ T và ông Huỳnh Hoàng Th được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Khương Thị Mỹ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014.

Ông Huỳnh Hoàng Th có quyền thăm nom cháu Huỳnh Thị Tường V, sinh ngày 15/10/2009 và Huỳnh H, sinh ngày 23/01/2014 không ai được cản trở.

Bà Khương Thị Mỹ T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Huỳnh Hoàng Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Thị Tường V và cháu Huỳnh H.

3. Ông Huỳnh Hoàng Th không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Khương Thị Mỹ T không yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Khương Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009260 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, bà Khương Thị Mỹ T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Hoàng Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Chi cục T.H.A DS huyệ L;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

DƯƠNG THỊ THANH HOA